

Bản án số: 518/2022/DS-PT
Ngày: 09-8-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2022/TLPT-DS ngày 30/5/2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1315/2022/QĐPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thùy D, sinh năm 1979; Địa chỉ: 475-476 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trà Thị M, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khu vực Lân Thạnh 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Ông Huỳnh Văn C (chết ngày 14/5/2014).

Những người kế thừa tổ tụng của ông Huỳnh Văn C:

2.1 Bà Trà Thị M (có căn cước nêu trên).

2.2 Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1976 (có mặt).

2.3 Ông Huỳnh Thanh Đ (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực Lân Thạnh 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2.4. Bà Huỳnh Thị Trúc P; Địa chỉ: Khu vực Lân Thạnh 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: Busal, Hàn Quốc (vắng mặt).

2.5 Bà Huỳnh Thị Trúc T; Địa chỉ: 86 Trường Bắc, Khóm 9, phường Tam Đức, khu Bắc, lãnh thổ Đài Loan - Trung Quốc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Tuấn, Đồng, Phương, Thương: Bà Trà Thị M.

- *Người kháng cáo: Bà Trà Thị M là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Bà Huỳnh Thị Thùy D là người đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 551m² thửa 679 tờ bản đồ số 02 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 736308, vào sổ số CQ00170 do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp ngày 28/4/2010, đất tọa lạc tại khu vực Lân Thạnh 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nguồn gốc đất là của cha bà ông Huỳnh Văn N tặng cho bà. Khi bà có chồng lên thành phố Hồ Chí Minh, cha bà có cho bà Huỳnh Thị Trúc P, con của ông Huỳnh Văn C và bà Trà Thị M cất nhà lá trên thửa đất 679 của bà với diện tích 32m² (04m x 08m). Năm 2008, bà Phương theo chồng bỏ lại căn nhà lá cho ông Huỳnh Văn C, bà Trà Thị M sử dụng.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn C, bà Trà Thị M di dời nhà lá trả lại diện tích đất 32m².

Đến ngày 10/8/2012, bà Huỳnh Thị Thùy D khởi kiện bổ sung yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn C, bà Trà Thị M trả lại phần đất diện tích 328,3m² vì đã chiếm dụng phần đất này của bà được Tòa án đo đạc xác định tổng diện tích chiếm dụng là 328,3m².

Trong đơn phản tố và bản tự khai bị đơn trình bày:

Nguyên trước đây cha của ông Huỳnh Văn C là ông Huỳnh Văn T có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn C và bà Trà Thị M một miếng đất và 01 cái mương đào sẵn để nuôi cá tra thuộc thửa đất tranh chấp. Vì ông Huỳnh Văn C là con út nuôi cha mẹ già và thờ phượng tổ tiên. Giáp ranh mương đất của ông bà là đất Nguyễn Thanh Nhã có 300m² bán cho ông Huỳnh Văn N (cha của nguyên đơn). Đến năm 1990 khi đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Huỳnh Văn N khai trùm qua cái mương phần đất cha mẹ cho ông bà. Ông bà biết được và có yêu cầu ông Huỳnh Văn N trả lại cho ông bà. Ông Huỳnh Văn N bảo anh em ruột chừng nào bán miếng đất được ông Huỳnh Văn N sẽ tách quyền sử dụng đất trả lại cho ông bà. Đến năm 2010 vợ chồng ông bà có nói với ông Huỳnh Văn N thực hiện lời hứa, nhưng ông Huỳnh Văn N không chịu và vào năm đó ông Huỳnh Văn N làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lại cho con gái là Huỳnh Thị Thùy D.

Nay vợ chồng ông bà làm đơn phản tố, yêu cầu buộc Huỳnh Thị Thùy D giao trả lại quyền sử dụng đất diện tích 328m² cho vợ chồng ông Huỳnh Văn C, Bà Trà Thị M đang quản lý sử dụng gần 40 năm nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị buộc phía bị đơn phải giao trả phần đất chiếm giữ trái phép của nguyên đơn tại thửa 679, nhưng về diện tích thì có thay đổi theo kết quả đo đạc lại của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ theo Bản Trích đo địa chính ngày 30/6/2021, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với diện tích yêu cầu giao trả phần đất tại thửa 679 với diện tích còn lại là 319,9m²; yêu cầu bị đơn trả lại nguyên đơn tiền chi phí định giá mà nguyên đơn đã tạm ứng; không có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.

Về phía bị đơn có đại diện là ông Huỳnh Phước Cường trình bày là không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận phần diện tích đất tranh chấp 319,9m² là thuộc quyền sử dụng của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 37, 39, 91, 92, 153, 154, 161, 165, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy D:

Buộc bị đơn bà Trà Thị M cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn C gồm ông Huỳnh Thanh T, ông Huỳnh Thanh Đ, bà Huỳnh Thị Trúc P, bà Huỳnh Thị Trúc T và gia đình có trách nhiệm giao trả cho bà Huỳnh Thị Thùy D phần đất có diện tích 319,9m², phần đất thuộc thửa 679 tờ bản đồ số 02 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 736308, vào sổ số CQ00170 do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp ngày 28/4/2010 cho bà Huỳnh Thị Thùy D, đất tọa lạc tại khu vực Lân Thạnh 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (phần đất giao trả thuộc thửa 679A theo bản trích đo địa chính số 325/VP.ĐKQSĐĐ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thốt Nốt lập và ký ngày 23/4/2012).

Phần đất dư tại thửa 679 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 101,8m², bà Huỳnh Thị Thùy D được quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (theo công văn số 4027/UBND-NC ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ).

[2] Bác yêu cầu phản tố của bị đơn xin được công nhận quyền sử dụng đất với phần diện tích đất tranh chấp.

[3] Bà Huỳnh Thị Thủy D có trách nhiệm hoàn trả cho phía bị đơn giá trị nhà và cây trồng trên đất theo biên bản định giá ngày 05/5/2021 bằng 11.508.480 đồng (mười một triệu, năm trăm lẻ tám ngàn, bốn trăm tám mươi). Sau khi hoàn trả xong, bà Thủy Dương được quyền sở hữu đối với căn nhà trên đất, kể cả số cây trồng còn lại trên phần đất tranh chấp.

Kể từ ngày bị đơn giao trả đất và có đơn yêu cầu thi hành án mà nguyên đơn chậm thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/02/2022, bà Trà Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thủy D là nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Trà Thị M không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

Bà Trà Thị M: Trước đây ông Huỳnh Văn N (là cha của nguyên đơn) có mua của ông Nguyễn Thanh Nhã 300m² đất. Khi kê khai thì ông Huỳnh Văn N đã kê khai luôn phần con mương mà ông Huỳnh Văn Trân (cha chồng của bà) đã cho vợ chồng bà. Khi vợ chồng bà thắc mắc thì ông Huỳnh Văn N nói khi nào bán sẽ cho tiền vợ chồng bà. Bà Trà Thị M xác định ngoài các tài liệu mà Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được, bà không còn tài liệu chứng cứ nào khác. Bà Trà Thị M yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ vụ án.

Bà Huỳnh Thị Thủy D: Đất của cha bà (ông Huỳnh Văn N) cho bà hợp pháp và bà đã được cấp giấy chứng nhận. Bà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà Trà Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và trình bày như sau:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Trà Thị M làm trong thời hạn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung: Bà Trà Thị M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh phần đất tranh chấp là của cụ Huỳnh Văn T cho vợ chồng bà. Trong khi bà Huỳnh Thị Thủy D cung cấp được toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận từ ông Huỳnh Văn N sang bà Huỳnh Thị Thủy D. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà Trà Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trà Thị M nộp trong hạn luật định. Bà Trà Thị M sinh năm 1958 là người cáo tuổi nên

được miễn tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của Bà Trà Thị M đủ điều kiện thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Thuỳ D cho rằng phần đất có diện tích 328,3m² là một phần trong tổng diện tích 551m² đất thuộc thửa 679, tờ bản đồ số 02, toạ lạc tại khu vực Lân Thạnh 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà và đã được UBND quận Thốt Nốt cấp Giấy chứng nhận số BA 736308 ngày 28/4/2010. Trước đây, cha của bà là ông Huỳnh Văn N cho bà Huỳnh Thị Trúc P (con ông Huỳnh Văn C và bà Trà Thị M) cất nhà ở với diện tích 32m². Năm 2008 bà Phương theo chồng thì Bà Trà Thị M, ông Huỳnh Văn C sử dụng. Bà Huỳnh Thị Thuỳ D khởi kiện yêu cầu Bà Trà Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn C trả lại diện tích đất nêu trên. Trong vụ án này, bà Huỳnh Thị Trúc P đang định cư tại Hàn Quốc và Huỳnh Thị Trúc T đang định cư tại Đài Loan. Do đó, Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Trà Thị M, nhận thấy:

[3.1] Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/9/1990 (lút lục số 222), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000257 ngày 04/11/1998 (bút lục số 210) thể hiện thửa đất số 679 được UBND huyện Thốt Nốt cấp cho ông Huỳnh Văn N. Tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/4/2010 (bút lục 200-202) thể hiện ông Huỳnh Văn N tặng cho thửa đất số 679 cho bà Huỳnh Thị Thuỳ D. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 736308 ngày 22/4/2010 (bút lục 192-193) thể hiện thửa đất số 679 được cấp cho bà Huỳnh Thị Thuỳ D.

Căn cứ vào các tài liệu nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Phần đất tranh chấp có diện tích 319,9m² thuộc thửa 679 đã được UBND huyện Thốt Nốt cấp giấy chứng nhận cho ông Huỳnh Văn N (cha của bà Huỳnh Thị Thuỳ D) lần đầu vào năm 1990 và được cấp đổi giấy chứng nhận cho ông Huỳnh Văn N vào năm 1998. Ngày 02/4/ 2010, ông Huỳnh Văn N tặng cho thửa đất này cho bà Huỳnh Thị Thuỳ D và bà Huỳnh Thị Thuỳ D đã được cấp giấy chứng nhận vào ngày 22/4/2010.

[3.2] Bà Trà Thị M cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha chồng bà (ông Huỳnh Văn Trân) cho vợ chồng bà. Năm 1990, ông Huỳnh Văn N sau khi nhận chuyển nhượng phần đất từ ông Nguyễn Thanh Nhã đã kê khai luôn phần đất mà vợ chồng bà được cho. Nhận thấy ngoài lời trình bày ra, Bà Trà Thị M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai này của Bà Trà Thị M.

[3.3] Kết quả điều tra, xác minh các nhân chứng do Bà Trà Thị M cung cấp cho kết quả như sau: Bà Trần Thị G không còn ở địa phương, bị đột quy nên không xác định được. Ông Trần Văn T xác định không ký vào “Giấy xác nhận” ngày 15/11/2011. Ông Nguyễn Văn B xác định có biết nguồn gốc đất của ông Huỳnh Văn Trân; có nghe ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Văn N mỗi người

một phần đất (nhìn ngoài lộ vào thì đất của ông Huỳnh Văn N bên trái, đất của ông Huỳnh Văn C bên phải), nhưng không biết diện tích của mỗi người bao nhiêu. Ông Trần Văn P xác định không biết nguồn gốc đất tranh chấp, chỉ biết khoảng 1986-1988 ông có thuê đất của ông Huỳnh Văn N làm trại sửa ghe.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để xác định phần đất tranh chấp là của bà Huỳnh Thị Thuỳ D.

[3.4] Đối với căn nhà có trên đất: Bản án sơ thẩm buộc bà Huỳnh Thị Thuỳ D thanh toán cho Bà Trà Thị M giá trị xây dựng còn lại của căn nhà là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.5] Về việc giải quyết các cây trồng có trên đất: Tại phiên toà sơ thẩm, ông Huỳnh Phước Cường người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định số cây trồng có trên phần đất tranh chấp là ít, giá trị thấp nên ông Cường không yêu cầu thẩm định. Do đó bản án sơ thẩm giao các cây này cho nguyên đơn là quản lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thuỳ D là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, Bà Trà Thị M không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới nên yêu cầu kháng cáo của Bà Trà Thị M là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trà Thị M sinh năm 1958 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trà Thị M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 37, 39, 91, 92, 153, 154, 161, 165, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thùy D.

[1.1] Buộc bị đơn bà Trà Thị M cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn C gồm các ông bà Huỳnh Thanh T, Huỳnh Thanh Đ, Huỳnh Thị Trúc P và Huỳnh Thị Trúc T và gia đình có trách nhiệm giao trả cho bà Huỳnh Thị Thùy D phần đất có diện tích 319,9m², thuộc thửa 679, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khu vực Lân Thạnh 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, đã được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 736308, vào sổ số CQ00170 do ngày 28/4/2010 cho bà Huỳnh Thị Thùy D (phần đất giao trả thuộc thửa 679A theo bản trích đo địa chính số 325/VP.ĐKQSDĐ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thốt Nốt lập ngày 23/4/2012).

[1.2] Phần đất dư tại thửa 679 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 101,8m², bà Huỳnh Thị Thùy D được quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (theo công văn số 4027/UBND-NC ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ).

[2] Bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích đất tranh chấp.

[3] Bà Huỳnh Thị Thùy D có trách nhiệm hoàn trả cho phía bị đơn giá trị nhà và cây trồng trên đất theo biên bản định giá ngày 05/5/2021 bằng 11.508.480 (mười một triệu năm trăm lẻ tám ngàn bốn trăm tám mươi) đồng. Sau khi hoàn trả xong, bà Huỳnh Thị Thùy D được quyền sở hữu đối với căn nhà trên đất, kể cả số cây trồng còn lại trên phần đất tranh chấp.

[4] Kể từ ngày bị đơn giao trả đất và có đơn yêu cầu thi hành án mà nguyên đơn chậm thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trà Thị M.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu VP(3), HS(2). 17b, HQ.

Đã ký

Võ Văn Khoa